TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122 /2019/DS-PT
Ngày: 22/ 02/ 2019
Vv: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Bá Thịnh
2/ Bà Phạm Thị Kim

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 676/2018/TLDS-PT ngày 25/12/2018, do bản án dân sự sơ thẩm số 1217/2018/DS-ST Ngày: 29/11/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " của Toà án nhân dân Quận Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2019/QĐ-PT ngày 22/ 01/ 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1975

Địa chỉ: 114/8/11/4 Đường Chiến L, Khu phố X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H , sinh năm 1969;

Địa chỉ: 304 Đường Tỉnh Lộ Q, Khu phố X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. ***Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị H .***

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018, các bản tự khai, các Biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 07/6/2014 bà T có cho bà Lê Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng, vay không có lãi suất, thời hạn trả đến 07/8/2014. Việc vay mượn có làm Giấy vay tiền do bà T viết và bà H ký tên. Để đảm bảo khoản vay bà H có đưa cho bà

T bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân quận Z, bản phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà H. Hết thời hạn vay, bà T nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị H trả lại cho bà T số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi bà H trả tiền, bà H sẽ trả lại cho bà T bản chính bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân quận Z, bản phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà H.

Tại biên bản ghi lời khai, các Biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Lê Thị Htrình bày: Vào năm 2003 bà Lê Thị H có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 150.000 đồng, trả được 01 tháng do khó khăn không trả được nữa nên bà T đưa thêm cho bà H số tiền 2.000.000 đồng và tính thành số tiền vay 20.000.000 đồng. Khi đưa số tiền 2.000.000 đồng bà T có yêu cầu bà H ký vào giấy vay tiền ngày 07/6/2014 nhưng thật ra ngày ký không phải là 07/6/2014 mà là năm 2013, số tiền không phải 50.000.000 đồng mà là 20.000.000 đồng. Khi ký Giấy vay tiền bà H có đưa cho bà T bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân quận Z, bản hô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà H. Sau đó bà H đã trả hết toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà H trả số tiền 50.000.000 đồng bà H không đồng ý vì bà H không có vay tiền của bà T.

Bản án số : 1217 /2018/DS-ST ngày 29/11/2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " của Toà án nhân dân Quận Z đã tuyên xử:

Căn cứ

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35. Điểm a khoản 1 Điều 39. Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Các Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Trả một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Lê Thị H trả xong nợ thì bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Huệ bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QQĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân Quận Z, bản phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà Huệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên chậm trả còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền .

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030308 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghe hội đồng xét xử phân tích, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do bà Huệ đang bị bệnh nên bà Thuận chỉ yêu cầu bà Lê Thị H trả lại cho bà T số tiền vay 20.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Sau khi bà H trả tiền, bà T sẽ trả lại cho bà H bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân quận T Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về hình thức:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện các quyền và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân Quận Z đưa vụ án ra xét xử ngày 29/11/2018 đến ngày 05/12/2018 bị đơn bà Lê Thị H có đơn kháng cáo, căn cứ điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 07/6/2014 có chữ ký của bà Lê Thị H số tiền vay là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là 07/8/2014. Có sơ sở xác định giữa hai bên có giao dịch vay tiền, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Lời khai của bà Huệ là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Thuận chỉ yêu cầu bà Huệ trả lại 20.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân Quận Z đưa vụ án ra xét xử ngày 27/11/2018 đến ngày 05/12/2018 bị đơn có đơn kháng cáo, căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về thẩm quyền xét xử:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã vay. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã vay là 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 07/5/2014. Phía bị đơn không đồng ý.

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy vay tiền đề ngày 7/6/2014 có chữ ký xác nhận của bị đơn là bà Huệ.

Bị đơn bà Lê Thị H thừa nhận có ký Giấy vay tiền đề ngày 7/6/2014 nhưng cho rằng thời gian ký là năm 2013, số tiền vay là 20.000.000 đồng chứ không phải 50.000.000 đồng và đã trả hết nên bà Huệ không đồng ý trả cho bà Thuận số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài lời khai bà Huệ không có chứng cứ gì khác và phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không thừa nhận lời khai này của bị đơn.

Chứng cứ duy nhất xem xét là giấy vay tiền đề ngày 7/6/2014. Nội dung giấy vay tiền ngày 7/6/2014 thể hiện bà H vay của bà Thuận 50 triệu đồng không lãi suất. Thời hạn vay từ ngày 7/6/2014 đến ngày 7/8/2014. Giấy vay tiền có chỉnh sửa về tháng vay tiền và tháng trả tiền.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận có sửa tháng vay tiền trong Giấy vay tiền đề ngày 7/6/2014 từ 7/5/2014 thành 7/6/2014.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về số tiền vay 50 triệu và năm vay tiền là 2014 không có dấu hiệu chỉnh sửa nên không làm thay đổi bản chất số tiền vay và năm vay tiền như phía bà Huệ trình bày. Theo Giấy vay tiền ngày 7/6/2014 thể hiện đến ngày 7/8/2014 bà Huệ phải trả lại cho bà Thuận số tiền nợ trên nhưng đến nay bà Huệ vẫn chưa thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở xem xét.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H trả 20.000.000 đồng do bà Huệ đang khó khăn và bị bệnh. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Thuận là phù hợp.

Theo xác nhận của hai bên để đảm bảo khoản vay tiền thì bà Thuận hiện giữ của bà Huệ bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QQĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân Quận Z, bản phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà Huệ.

Nên cần buộc hai bên thi hành việc trả tiền và giấy tờ dưới sự giám sát của Thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]Về án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 20.000.000 đồng phải trả cho bà Nguyện Thị T, cụ thể là bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0030308 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 148 người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị H án phí dân sự phúc thẩm tạm nộp.

Từ nhận định trên;

Căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H . Sửa một phần bản án DSST số 1217/2018 /DS-ST ngày 29/11/2018 về việc:“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” của Toà án nhân dân Quận Z.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35. Điểm a khoản 1 Điều 39. Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Trả một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Lê Thị H trả xong nợ thì bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Huệ bản chính Quyết định đổi số nhà số 1149/QQĐ-UBND ngày 03/3/2006 của Ủy ban nhân dân Quận Z, bản phô tô chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú của bà Huệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên chậm trả còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền .

[2]. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0030308 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Bà Lê Thị H 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tạm nộp theo Biên lai số AA/2018/ 0030600 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Z;
- Chi cục THADS quận Z;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương